

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18-6-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Thực

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Xuân Lợi

2. Bà Đậu Thị Phú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Không

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/6/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn Q; nơi cư trú: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (trước đây là Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị P; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 05/01/2021, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Văn Q trình bày:* Anh và chị Hồ Thị P có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/9/2016. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng không hợp

tính nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, do vậy thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Hiện tại anh cảm thấy mình thật sự không còn tình cảm gì với chị Hồ Thị P nữa, không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc được, nên mong muốn được ly hôn với chị P để sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Theo anh Q thì giữa vợ chồng có 01 con chung tên Phan Hồ Yến N, sinh ngày 17/10/2017. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng giao con cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi).

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Q trình bày, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị Hồ Thị P trình bày:* Về quan hệ hôn nhân thì giữa chị và anh Phan Văn Q có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/9/2016. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cãi vã nhau, anh Q đuổi chị ra khỏi nhà nên chị về nhà bố mẹ để sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng như vậy sẽ không mang lại hạnh phúc được nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu, đề nghị của anh Q để mỗi người lựa chọn cuộc sống riêng cho bản thân.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phan Hồ Yến N, sinh ngày 17/10/2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại phiên hòa giải ngày 14/5/2021, chị P yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con một lần là 150.000.000 đồng, trong 04 năm từ khi vợ chồng sống ly thân đến ngày 14/5/2021. Từ sau ngày 14/5/2021 trở đi, chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con thành niên. Tại phiên hòa giải ngày 19/5/2021, cũng như tại phiên tòa chị P thay đổi ý kiến và thống nhất, sau khi ly hôn yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên, phương thức cấp dưỡng được thực hiện một lần.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Văn Q khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Hồ Thị P và quyền nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn Q và chị Hồ Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/9/2016, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Cuộc sống chung hạnh phúc của vợ chồng được khoảng 4 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau; hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay, không tìm được hướng đi chung, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn và xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục sống chung cùng nhau được nữa. Anh Q và chị P thống nhất thỏa thuận tự nguyện ly hôn. Hội đồng xét xử, căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn Q và chị Hồ Thị P.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa anh Phan Văn Q và chị Hồ Thị P có một con chung Phan Hồ Yến N, sinh ngày 17/10/2017. Anh Q và chị P thống nhất thỏa thuận, sau khi ly hôn giao con chung cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, tuy nhiên hai bên lại không thống nhất được phương thức cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị P yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng thực hiện một lần; còn anh Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng và phương thức cấp dưỡng được thực hiện hằng tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị P yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con một lần nhưng lại không xác định được anh Q đang làm công việc gì, mức thu nhập hằng tháng bao nhiêu tiền, đồng thời cũng không đưa ra được các chứng cứ, tài liệu chứng minh về điều kiện, khả năng kinh tế, tài chính, cũng như nguồn tài sản hiện có của anh Q. Trong khi anh Q cung cấp cho Tòa án văn bản xác nhận mức lương tại nơi làm việc của anh Q các tháng liền kề (các tháng 02,3,4/2021), mỗi tháng 6.700.000 đồng và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hiện tại anh Q đang bị đau chân, tổn thương dây chằng và mới xin việc làm, thu nhập chưa ổn định, ngoài ra không có nguồn thu nhập, tài sản nào khác. Trên cơ sở thu nhập và khả năng kinh tế, tài chính thực tế của anh Q cho thấy, anh Q không có khả năng cấp dưỡng tiền nuôi con một lần như yêu cầu của chị P. Mặt khác, căn cứ vào mức sinh hoạt và chi tiêu tại địa phương đối với trẻ em, cũng như ý kiến của anh Q là cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy như vậy là hợp lý, phù hợp nên chấp nhận. Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử buộc anh Phan Văn Q có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng.

Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 7/2021 trở đi, cho đến khi con thành niên.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Văn Q và chị Hồ Thị P thống nhất thừa nhận, vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: anh Phan Văn Q thống nhất chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung vào ngân sách nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn Q và chị Hồ Thị P.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Phan Văn Q và chị Hồ Thị P về việc: Sau khi ly hôn, giao con chung Phan Hồ Yến N, sinh ngày 17/10/2017 cho chị Hồ Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Buộc anh Phan Văn Q có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị P mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 7/2021 trở đi, cho đến khi con thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1: Anh Phan Văn Q chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí anh Q phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo

biên lai thu số 0051198, ngày 23/02/2021. Số tiền án phí anh Phan Văn Q còn phải nộp là 300.000 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Ngọc Thực**